

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/2026

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Thanh Thúy;
2. Bà Đỗ Thị Minh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 295/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1997. CCCD số 058197000397. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T1, sinh năm 1993. CCCD số 058093000649. Địa chỉ: tổ dân phố A, phường N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Lê Văn T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (cũ) vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2025, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc do anh T1 thường xuyên đi nhậu, không chăm lo gia đình, vợ chồng không có cùng mục tiêu sống. Đến tháng 09/2025 đến nay vợ chồng chị không còn sống chung, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 19/9/2015; cháu Lê Ngọc Khánh L, sinh ngày 29/12/2018 và cháu Lê Khánh H, sinh ngày 17/11/2024. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 người con chung.

Hiện nay, chị làm công nhân may, có thu nhập ổn định, bên cạnh đó còn có hỗ trợ của cha mẹ chị trong việc chăm sóc các cháu nên chị đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, chị không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Lê Văn T1***: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hoà phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị **T** ly hôn với anh **T1**, giao 03 con chung các cháu **Lê Ngọc Khánh V**, **Lê Ngọc Khánh L** và **Lê Khánh H** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị **T** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh **Lê Văn T1**. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại **phường N, tỉnh Khánh Hòa** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh **Lê Văn T1** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** và anh **Lê Văn T1** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (cũ) vào ngày 17/02/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị **T** trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2025, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh **T1** thường xuyên đi nhậu, không chăm lo gì đến cuộc sống gia đình, bỏ mặc mẹ con chị và từ tháng 9 năm 2025 đến nay, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Lời trình bày về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị **T** phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị **T**, anh **T1** cư trú.

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **T1** không đến Tòa án làm việc, hoà giải cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị **T**. Điều này chứng tỏ anh **T1** có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **T** anh **T1** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T**.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị **T** anh **T1** có 03 con chung là cháu **Lê Ngọc Khánh V**, sinh ngày 19/9/2015; cháu **Lê Ngọc Khánh L**, sinh ngày 29/12/2018 và cháu **Lê Khánh H**, sinh ngày 17/11/2024. Ly hôn chị **T** có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 cháu **V**, **L** và **H**.

Xét thấy, chị **T** đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 người con chung, các cháu **V**, **L** đều có nguyện vọng được sống cùng chị **T**, chị **T** có nghề nghiệp ổn định. Bên cạnh đó, anh **T1** cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị **T**, giao cháu **V**, cháu **L** và cháu **H** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị **T** không yêu cầu nên anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc T**.
 - Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** được ly hôn với anh **Lê Văn T1**.
 - Về con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị Ngọc T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là cháu **Lê Ngọc Khánh V**, sinh ngày 19/9/2015; cháu **Lê Ngọc Khánh L**, sinh ngày 29/12/2018 và cháu **Lê Khánh H**, sinh ngày 17/11/2024.

Anh **Lê Văn T1** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004099 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Chị **T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV 6 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Ninh Chữ,
- (GCNKH số 01/2016 ngày 17/02/2016);
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Thị Thành

